

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 30/5/2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng;
2. Bà Hà Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkrông - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt*.

2. Bị đơn: Ông Đặng Ngọc K, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đồng Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: 21 Nguyễn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, *đề nghị xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04/02/2021 âm lịch, nhằm ngày 16/3/2021 dương lịch, vợ chồng ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr có vay của bà T số tiền 37.100.000 đồng, mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp, kinh

doanh buôn bán. Đây là chốt lại của nhiều lần ông K, bà Tr đã vay tiền của bà T, sau đó viết lại thành giấy nợ mà bà T dùng làm căn cứ khởi kiện. Khi vay hai bên không thể chấp bất cứ tài sản gì mà chỉ lập giấy vay tiền và được ông K, bà Tr đồng thuận ký xác nhận vào giấy vay. Lúc đó hai bên có thỏa thuận lãi suất và ghi vào giấy là 2%/tháng, thời hạn trả thỏa thuận miệng là 01 năm (không ghi vào giấy vay tiền).

Cho đến nay bà T yêu cầu trả nhiều lần nhưng ông K, bà Tr không thực hiện. Nay bà T yêu cầu ông K, bà Tr phải liên đới trả số tiền gốc đã vay là: 37.100.000 đồng, lãi theo quy định pháp luật trong hạn là 20%/năm và lãi suất quá hạn là 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi trả hết nợ.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr trình bày:

Ông K và bà Tr thừa nhận chữ ký, chữ viết trong “Giấy mượn tiền” ngày 04/02/2021 (âm lịch) mà bà Nguyễn Thị T dùng làm căn cứ khởi kiện đúng là chữ ký, chữ viết của ông, bà, do hai người viết ra khi vay tiền của bà T, khi viết là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cần tiền cho việc buôn bán nên vào ngày 04/02/2021 âm lịch ông K và bà Tr có vay của bà T số tiền gốc 37.100.000 đồng, đây là số tiền hai bên thống nhất chốt lại tổng nợ cả gốc và lãi của nhiều lần đã vay và viết lại thành số nợ này. Hai bên có thỏa thuận lãi suất và ghi vào giấy mượn tiền là 2%/tháng, thời hạn trả thỏa thuận miệng là 01 năm (nhằm ngày 04/02/2022 âm lịch).

Sau đó, đến khoảng tháng 12/2021, ông, bà có trả cho bà T số tiền gốc 10.000.000 đồng thông qua con dâu của bà T là chị Đồng Thị T nhận nhưng khi trả không viết giấy tờ gì cho việc trả này. Nay ông, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả này nên đồng ý trả số tiền gốc là 37.100.000 đồng với thời hạn trả nợ như sau:

Đợt 1: Tháng 02/2024 trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên tương đương 18.550.000 đồng;

Đợt 2: Tháng 02/2025 trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên tương đương 18.550.000 đồng.

Đối với tiền lãi thì do hoàn cảnh khó khăn nên ông, bà không đồng ý trả. Tại địa phương bị đơn không thuộc chế độ chính sách gì và không thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý.

Bà Nguyễn Thị T không đồng ý theo phần trình bày của ông K, bà Tr về phương án và thời hạn trả nợ, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông K, bà Tr phải liên đới cùng trả số tiền gốc đã vay là: 37.100.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật trong hạn là 20%/năm và lãi suất quá hạn là 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi trả hết nợ.

*** Quá trình tham gia tố tụng chị Đồng Thị T khai có nội dung:**

Trước đây chị T là con dâu của bà T và sống chung cùng nhà với bà T từ năm 2017 đến 2019 sau đó đến năm 2022 thì ly hôn với con bà T. Quá trình chung sống thì chị T không có nhận số tiền 10.000.000 đồng nào từ ông K và bà Tr trả nợ cho bà T. Việc vay tiền giữa vợ chồng ông K, bà Tr với bà T thì chị T không biết

và không liên quan gì nên ông K và bà Tr cho rằng chị T đã nhận 10.000.000 đồng tiền ông bà trả nợ cho bà T thì chị T không đồng ý. Do ở xa nên chị từ chối tham gia tố tụng và đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:**

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 04/02/2021 âm lịch, nhằm ngày 16/3/2021 dương lịch bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 37.100.000 đồng, hạn thời hạn trả là 01 năm. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận và đồng ý trả số tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý về thời hạn trả nợ như bị đơn yêu cầu. Nhận thấy bị đơn không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm cam kết về hợp đồng vay tài sản, do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 37.100.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả với mức 20%/năm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 16/3/2022, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với mức 10%/năm tính từ ngày 17/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo giấy vay tiền ghi ngày 04/02/2021 âm lịch, nhằm ngày 16/3/2021 dương lịch nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của các đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc là 37.100.000 đồng, có thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ, cho đến nay khoản vay đã quá thời hạn trả nợ. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng cam kết làm ảnh hưởng đến quyền

và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và đây là quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo giấy ghi nội dung vay tiền mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn và lời khai của các đương sự xác định vào ngày 04/02/2021 âm lịch, nhằm ngày 16/3/2021 dương lịch giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 37.100.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng và thời hạn trả nợ, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận sự việc này. Nay đã quá thời hạn trả nợ mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền lãi 10.000.000 đồng thông qua chị Đồng Thị T là con dâu của nguyên đơn nhưng chị T không thừa nhận sự việc này và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Đối với số tiền gốc bị đơn chưa thanh toán là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị trả tiền gốc cho nguyên đơn chia làm hai đợt nhưng nguyên đơn không đồng ý nên cần phải chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng số tiền gốc đã vay là 37.100.000 đồng. Đối với lãi suất bị đơn không đồng ý trả nhưng nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi trong hạn là 20%/năm và lãi suất quá hạn là 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi trả hết nợ, xét thấy đây là hợp đồng vay có lãi nên xác định yêu cầu lãi suất của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, cụ thể được tính như sau:

[2.1] Tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận (12 tháng) là: $37.100.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 12 = 7.390.000 \text{ đồng}$;

[2.2] Tiền lãi nợ quá hạn (kể từ ngày hết hạn trả nợ tiền gốc đến ngày xét xử sơ thẩm) là $37.100.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 14 \text{ tháng} = 4.450.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh

mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[3.1 Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả số tiền gốc cho nguyên đơn là: $(37.100.000 \text{ đồng} + 7.390.000 \text{ đồng} + 4.450.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 2.447.000 \text{ đồng}$.

[3.2] Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0020926 ngày 13/02/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ tổng cộng là 48.940.000 đồng (*bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc 37.100.000 đồng (*ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn 7.390.000 đồng (*bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*); tiền lãi nợ quá hạn 4.450.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/5/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về tiền án phí: Buộc ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 2.447.000 đồng (*hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 1.366.000 đồng (*Một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0020926 ngày 13/02/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường